

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - T - do - Hạnh phúc

Bản án: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

V/v: "*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình- xin ly hôn*"

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Ông Nguyễn Chí bền

- *Th- ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung-Th- ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:* Không tham gia

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 360/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2020/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị H, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn X, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn chị Võ Thị H nh- sau:* Tôi và anh X tự tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21 tháng 8 năm 2014.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau tính tình và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay tôi xét thấy tiếp tục sống sẽ không có hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh X.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thùy D, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2017 và Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2019. Hiện Thúy An đang sống với tôi, Thùy Dương sống với anh X, con theo ai người đó nuôi, không phải cấp dưỡng nuôi con,

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn X: Anh X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự như: (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa) nhưng anh X không giao nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án để được hướng dẫn giải quyết vụ án theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Phạm Văn X có nơi cư trú tại ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của bị đơn: Anh Phạm Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh X không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, chị H giữ nguyên yêu cầu là:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh X;

- Về con chung: Giữ nguyên vị trí con đang sống với ai thì người đó nuôi, không phải cấp dưỡng cho nhau:

- Về tài sản và nợ: Chị H Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn X với chị Nguyễn Thị H tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21 tháng 8 năm 2014 nên hôn nhân của anh X, chị H là hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét giải quyết.

Theo lời trình bày của chị H thì vợ chồng H sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau tính tình và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không qua lại và có tin

tức gì với nhau nữa. Nay chị H thấy tiếp tục sống sẽ không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh X.

- Đối với anh Phạm Văn X, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng anh X cố tình tránh né, không hợp tác để giải quyết vụ án. Điều này chứng tỏ rằng anh X không còn quan tâm đến gia đình, nhất là tình cảm vợ chồng, nghĩ nên cần thiết cần được chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh X là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thùy D, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2017 và Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2019. Hiện cháu Thúy An đang sống với chị H, cháu Thùy Dương đang sống với anh X, chị H yêu cầu giữ nguyên vị trí các con đang theo sống với ai thì người đó tiếp tục nuôi đến trưởng thành, không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy, yêu cầu của chị H là thực tế và phù hợp với ý nguyện của các cháu trong đó cháu An có nguyện vọng được sống với mẹ, còn cháu Dương thì đã sống với cha và trong thực tế cháu Dương cũng đang sống với anh X từ trước đến giờ, nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về phần cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, nghĩ nên miễn xét.

[5] Về tài sản và nợ: Miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân:

- Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị H đối với anh Phạm Văn X.

2. Về con chung:

- Xử giao cháu Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2019 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành;

- Xử giao cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2017 cho anh X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành;

- Không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau;

- Anh X, chị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản và nợ: Miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Xử buộc chị Võ Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003563, ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị Võ Thị H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 28 tháng 01 năm 2021; Anh Phạm Văn X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Dương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

LÊ VĂN TÁM